

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-11-2021

V/v ly hôn, trA chấp về nuôi con

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H,  
TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị M.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Đặng Văn M;

2/ Bà Đào Thị Mộng T.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021, về việc “Ly hôn, TrA chấp về nuôi con”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/10/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu A – Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Thiện K – Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B.

Đương sự có mặt: Bà A; Đương sự vắng mặt: Ông K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2021, bản khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A khai:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thiện K tổ chức lễ cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày số 44, quyển số 01 ngày 01/6/1996. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện, thời gian tìm hiểu 03 tháng. Sau khi cưới vợ chồng sống tại thôn T,

xã H, huyện H. Vợ chồng sống hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nguyễn Thiện K thường xuyên uống rượu, chửi đánh vợ con, không quan tâm gì đến vợ con. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Thiện K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yên K1 – Sinh ngày 10/02/1996 và Nguyễn Đình K2 – Sinh ngày 14/3/2006. Hiện nay con tên Yên K1 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con tên Nguyễn Đình K2 đang ở với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đình K2 và không yêu cầu ông Nguyễn Thiện K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, ông Nguyễn Thiện K vắng mặt nên bà yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Thiện K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật trA chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với bị đơn. Đây là trA chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thiện K đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu A và ông Nguyễn Thiện K cưới nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H huyện H theo

Giấy chứng nhận kết hôn ngày số 44, quyển số 01 ngày 01/6/1996. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà A cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K thường xuyên uống rượu, chửi đánh vợ con, không quan tâm gì đến vợ con. Vợ chồng bà không còn sống chung với nhau từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà là yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Thiện K.

Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K nhưng ông K cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông K thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu A là có căn cứ nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà A và ông K có 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến K1 – Sinh ngày 10/02/1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Đình K2 – Sinh ngày 14/3/2006 đang ở với bà.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà A yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Đình K2, không yêu cầu ông Nguyễn Thiện K cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của bà A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Con tên Nguyễn Đình K2 có nguyện vọng ở với bà A, từ khi sinh ra cho đến nay đều do bà A chăm sóc, giáo dục, ông K không đến Tòa để nêu ý kiến của ông. Vì vậy, giao con chung tên Nguyễn Đình K2 cho bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bà A không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Ông Nguyễn Thiện K không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

*1. Về hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu A về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thiện K.

Bà Nguyễn Thị Thu A được ly hôn với ông Nguyễn Thiện K.

#### *2. Về con chung:*

Bà Nguyễn Thị Thu A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đình K2 – Sinh ngày 14/3/2006.

Bà Nguyễn Thị Thu A không yêu cầu ông Nguyễn Thiện K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thiện K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

#### *3. Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị Thu A phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thu A đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001830 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B nên không nộp nữa.

Ông Nguyễn Thiện K không chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

#### *4. Về quyền kháng cáo :*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/11/2021), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H.H;
- **UBND nơi đăng ký kết hôn;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Thị M**